

INTAKE FORM
MÀU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

Comp. C

Số + card 4/27/85
018 thu

NAME (TÊN) : Ho hoang Khanh
Last (Tên họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 12 21 1949
(NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM :
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là Tú binh tại VN hay không) : Yes (Có) : Yes No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 1975 To (Đến) : present

PLACE OF RE-EDUCATION : PHAN TRAI B, ĐOI 15, XUAN-Phuoc, Phu-Khanh, Hom-thu
CAMP (TRẠI TU) 1870B

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : TRUNG SI I

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 50/18 TRAN-KHAC-CHAN, TAN-dinh,
(Địa chỉ liên lạc tại VN) F.3. QUAN I. T.P. HOCHI MINH. So. VIET-NAM

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Ho Ngoc Bich.
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trờ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : sister

NAME AND SIGNATURE : Ho ngoc Bich
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ ký, BT của người điền đơn này)

DATE : Jan. 7-1985

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI THANH	1932	
HO XUAN ANH	1952	
HO NGOC BICH	1955	
HO MINH DUC	1956	
HO KIM XUYEN	1958	
HO KIEU NGA	1960	
HO QUOC HUNG	UK	
HO SONG PHUONG	1964	

ADDITIONAL INFORMATION:

**Travelers &
Immigrants Aid**
Helping People in Transition

Travelers & Immigrants Aid
Of Chicago
327 South LaSalle Street
Chicago Illinois 60604
312 435 4500

Date: December 18, 1984

American Embassy
Orderly Departure Program
Box 58
APO San Francisco 96346

Re.: HO HOANG KHANH (1)
Phan Trai B, Doi 15
Xuan-Phuoc, Phu-Khanh
Hom Thu 1870B, VIETNAM

Dear Sir/Madam:

Please find enclosed the Affidavit of Relationship used for ODP. The original copies of these documents are kept in our Agency; we will forward them to you upon request.

If agency sponsorship is required for this family, Travelers and Immigrants Aid of Chicago is willing to co-sponsor the above-named to enter the United States of America through the American Council for Nationalities Service (ACNS) 20 West 40th Street, New York, New York, 10018.

Thank you very much for your assistance.

Sincerely yours,

REFUGEE SERVICES
TRAVELERS & IMMIGRANTS AID
1046 WEST WILSON AVE.
CHICAGO, ILLINOIS 60640
NgocLien Du, Supervisor
Case Management, Vietnamese Unit

CC.- ACNS, New York
file

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE
IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

REFER TO THIS FILE NO.

A25-382-492

Date:

Rich

Myoc

EO

Chicago, Illinois 60660

The processing of the application for adjustment of status to that of permanent resident filed by the above named individual has been completed. ~~A request has been forwarded for the allocation of a visa number.~~

Sincerely yours,
APPROVED
U.S. IMMIGRATION
DECX 41984

A. D. Meyer
District Director
CHICAGO, IL

ATTORNEY

R
JAN 12 1985

Vô số 1/16/85

Chicago, Jan. 7th 1985

Kính Hội,

Tôi có đọc Bản tin và được biết sự hoạt động của Hội.

May vì lòng nhân đạo xin hỏi giúp đỡ cho tôi, bảo lãnh cho người anh ruột hiện đang bị cộng sản giam giữ trong gần 10 năm, tất cả mọi chi tiết tôi đã điền trong đơn, có điều gì chưa rõ xin hỏi cho tôi được biết ở địa chỉ dưới đây:

Ho Ngọc Bích

phoned:

- Kính chúc Hội được thành công trên con đường tranh đấu và giúp đỡ cho những kẻ tù khổ não được đoàn tụ với thân nhân.

Kính chào
và xin viết thật tình đoàn kết.



OUR NAME Ho, Bich NGOC

YOUR ALIEN STATUS IS:

Other name you have used no

U.S. CITIZEN ☐ Number: A25-382-492

DATE OF BIRTH 7/20/1955

PERMANENT RESIDENT ☒ A# _____

PLACE OF BIRTH Saigon, Viet Nam

REFUGEE ☐ A# _____

ADDRESS IN USA _____

DATE OF ENTRY INTO USA 5 1 7 1 1983
mo. day year

FROM WHICH COUNTRY? VIET NAM

TELEPHONE NO. _____

(W) _____

VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW WORKING :

American Council for Nationalities Service
20 WEST 40th STREET, NEW YORK, N.Y. 10018 • TEL (212) 398-9142.

Local Agency:
TRAVELERS & IMMIGRANTS AID
1046 W. Wilson Ave.
Chicago, IL 60640

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) HO HOANG-KHANH

Other name he/she used in Vietnam : no

ADDRESS IN VIETNAM Phan-Trai B, Noi 15, Xuan-Phuoc, Phu-Khanh, Hom-thu 1870 B

HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? NO CATEGORY? _____

DATE AND PLACE OF FILING NO

DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO X NUMBER(S)? _____

I AM THE : HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☒

OTHER _____ OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
* 1. <u>HO HOANG KHANH</u>	<u>12/29/49</u> mo/day/yr	<u>GIA-DINH</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>Principal Applicant</u>	<u>IN PRISON</u> <u>home address:</u> <u>50/18 TRAN-KHAC-</u> <u>CHAN, TAN-DINH</u> <u>F.3. QUAN I</u> <u>T.P. HO CHI MINH</u> <u>VIET NAM</u>
2.	<u>1 1</u>					
3.	<u>1 1</u>					
4.	<u>1 1</u>					
5.	<u>1 1</u>					
6.	<u>1 1</u>					
7.	<u>1 1</u>					
8.	<u>1 1</u>					
9.	<u>1 1</u>					
10.	<u>1 1</u>					
11.	<u>1 1</u>					
12.	<u>1 1</u>					

E. FAMILY TREE / BROTHERS AND SISTERS

OUR BROTHERS/SISTERS	SEX	DATE OF BIRTH MO/DAY/YR	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED?	LIVING/DEAD?	ADDRESS
Ho, Quoc Hung	(M)/F	UK	Viet NAM	YES/(NO)	LIVING	50/18 TRAN KHAC CHAN. TAN DINH F.3. QUAN F. HOCH MINH CITY VIETNAM
Ho, Song Phuong	M/(F)	1964	VIET NAM	YES/(NO)	LIVING	50/18 TRAN KHAC CHAN. TAN DINH. F.3. QUAN HOCH MINH CITY VIETNAM

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife <u>N/A</u>	M/F			Yes/No		
B. Your other husbands/wives <u>N/A</u>	M/F M/F			Yes/No Yes/No		
C. Your children						
<u>HO, HONG LOAN</u>	<u>M/F</u>	<u>8/9/72</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
<u>HO, CAM NGAC</u>	<u>M/F</u>	<u>UK</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>DEAD</u>	
<u>NGUYEN Thi-THAN</u>	<u>M/F</u>	<u>1932</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>50/18 TRAN-KHAC-CHAM</u>
E. Your brothers/sisters						<u>TAN-DINH, F.3. QUAN I</u>
<u>1. HO, HOANG KHANH</u>	<u>M/F</u>	<u>1949</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>Viet NAM</u>
<u>2. HO, XUAN ANH</u>	<u>M/F</u>	<u>1952</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>in prison</u>
<u>3. HO, NGOC BICH</u>	<u>M/F</u>	<u>1955</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>50/12 TRAN KHAC CHAM TANG</u>
<u>4. HO, MINH DUC</u>	<u>M/F</u>	<u>1956</u>	<u>VIET NAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>1904 W GRANVILLE #3 Chicago</u>
<u>5. HO, KIM XUYEN</u>	<u>M/F</u>	<u>1958</u>	<u>VIET NAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>NEW ECONOMIC ZONE</u>
<u>6. HO, KIEN NGA</u>	<u>M/F</u>	<u>1960</u>	<u>VIET NAM</u>	<u>Yes/No</u>	<u>LIVING</u>	<u>NEW ECONOMIC ZONE</u>
7. <u>(see attached sheet)</u>						<u>F.3. QUAN I. HOCHIMINH</u>
						<u>Viet NAM</u>

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE

AGENCY: ☐ EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER

SECTION/DIVISION/OFFICE

LAST POSITION : LAST GRADE :

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM TO

PLACE NAME OF LAST SUPERVISOR

REASON FOR SEPARATION

SECTION/DIVISION/OFFICE

PREVIOUS POSITION : PREVIOUS GRADE :

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM TO

PLACE NAME OF SUPERVISOR

REASON FOR SEPARATION

IV B.

U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☒ NO ☐

FOR: (NAME) HO HOANG Khanh

DATE		SCHOOL	PLACE
FROM <u>UK</u>	TO <u>1971</u>	<u>United States Navy/Diving school</u>	<u>Subic Bay, Philippines</u>
FROM	TO		

DESCRIBE: _____

V

PRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____
JOB TITLE _____
NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____
SUPERVISOR'S NAME _____
PLACE _____ FROM _____ TO _____
JOB DESCRIPTION _____
EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____
PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____
PLACE _____ FROM _____ TO _____
JOB DESCRIPTION _____
EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
REASON FOR SEPARATION _____

VI. TRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
DESCRIPTION OF COURSES _____
PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
DESCRIPTION OF COURSES _____
PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

STAMP HERE

I-94 DEPARTURE RECORD

(Rev. 1-1-63)

U.S. IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

SEE REVERSE SIDE FOR OTHER IMPORTANT INFORMATION

20: 07: 55

DAY MO. YR.

9. DATE OF BIRTH (same as item 2)

BICH: N60C

FIRST (GIVEN) NAME (same as first Name in item 1 above)

1. FAMILY NAME (SURNAME) (same as Family Name in item 1 above)

10. COUNTRY OF CITIZENSHIP (same as item 3 above)

VIETNAM

ADMISSION NUMBER 995-00963151

WARNING
A nonimmigrant who accepts unauthorized employment is subject to deportation.
Retain this permit in your possession; you must surrender it when you leave the U.S. Failure to do so may delay your entry into the U.S. in the future.

3 MAY 2 1983

DATE

SEC. 1
FOUR
VISA
K1
AD
MAY 2 1983

A25-382-492

V-2548/IV-63326
CHICAGO, ILL 60640

ACNS

IMPORTANT NOTICE

You are authorized to stay in the U.S. only until the date written on this form. To remain past this date, without permission from immigration authorities, is a violation of law.

SURRENDER THIS PERMIT WHEN YOU LEAVE THE UNITED STATES

- By sea or air, to transportation line.
- Over Canadian border, to Canadian Official.
- Over Mexican border, at the designated location.

RECORD OF CHANGES



Port: _____
Date: _____
Carrier: _____
Flight No./Ship Name

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH
HẢI-QUÂN



BẢNG SƠ-ĐĂNG CHUYÊN-NGHIỆP

Chiếu. Dự số 2 ngày mùng 6 tháng 3 năm 1952 thiết-lập Hải-Quân,
Chiếu. Sắc-Lệnh số 378-QP ngày 3-10-1957, Điều thứ 43, ấn-định nhiệm-vụ
của Tư-Lệnh Hải-Quân,

Chiếu biên-bản của Hội-Đồng Giám-Khảo kỳ thi mãn khóa "Sơ-Đăng Chuyên-Nghiep"
tổ-chức tại Trung tâm Huấn luyện Quân sự ngày 28-6-69

Chiếu Quyết-định số 123/HQ/1964/10/1 ngày 20-9-69 của BTC HQ

CẤP CHO

Khi Hoàng Khanh Quân số 69A701.052 sinh ngày 21
tháng 12 năm 1949 tại Phước Định

BẢNG SƠ-ĐĂNG CHUYÊN-NGHIỆP, ngành Vận chuyển

Điểm trung bình: 12,45/20 - Sắp hạng Chức

Làm tại KBC 3317 ngày 19 Th.1. 1970

Phó Đề Đốc TRẦN-VĂN-CHƠN

Tư-Lệnh Hải-Quân 2

11909

United States Naval Ship Repair Facility

SUBIC BAY, PHILIPPINES

DIVING SCHOOL

This is to certify that

BMSA KHANH, Ho Hoang, 69A/701.052, VNN

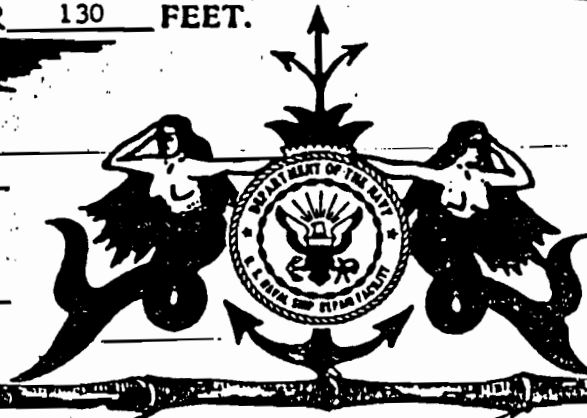
HAS SUCCESSFULLY COMPLETED THE PRESCRIBED
COURSE FOR SCUBA AND SHALLOW WATER DIVING AT THE UNITED
STATES NAVAL SHIP REPAIR FACILITY, SUBIC BAY,
PHILIPPINES, AND IS QUALIFIED THEREFORE TO
DISPORT HIMSELF AMONG THE DENIZENS OF THE
DEEP, MERMAIDS, AND OTHER INHABITANTS OF THE
REALM OF NEPTUNE. MAXIMUM DEPTH OBTAINED
ON AIR 130 FEET.

R. G. Mills
R. G. MILLS, CAPT USN
COMMANDING OFFICER
SHIP REPAIR FACILITY

5 MARCH 1971

DATE

SRF-332-1500/1 (REV. 10-70)



J. M. Ringelberg
J. M. RINGELBERG, LCDR USN
DIVING & SALVAGE OFFICER
SHIP REPAIR FACILITY
Luke J. Kusek
LUKE J. KUSEK, EN1 USN
CPO IN-CHARGE DIVING SCHOOL

Ho Hoang, 69A/701.052, VNN
BMSA KHANH, Ho Hoang, 69A/701.052, VNN
BMSA KHANH, Ho Hoang, 69A/701.052, VNN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN-CƯỚC

83 04322027

Họ Tên

HÀ THỊ KHÁNH



Cha

HÀ THỊ KHÁNH

Mẹ

NGUYỄN THỊ THÂN

Nơi chỉ

TRƯỜNG HỌC, VÙNG-TÂN

Cao viết riêng:

Not ruoi o/1 trên chốt oàn

Cao: 1 th

67

Nữ

50

Kg

Chữ ký đương sự:

Vùng-Tân, ngày 01.04.19.71

TRƯỜNG-TY CSQG

Chữ

học

trên

thẻ

chứng

minh

định

quân

quốc

phục

vũ

khí

quân

quốc

THIÊN-TÁ, NGUYỄN VĂN BAY

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÁN-QUỐC

Số 03119000



Họ Tên: ĐOÀN THỊ BÌNH

Ngày, Địa sinh: 20-7-1955

Quê: SÀI GÒN

Chức vụ: Cán bộ Đảng

Nơi: Nguyễn-thị-Tam

Địa chỉ: 50/16 Trần-Khắc-Châm

Đã, chưa

52

Chức vụ: Cán bộ Đảng

53

Đã, chưa

SÀI GÒN, ngày 13-2-1970

THỦ GIẢY ĐOC CỘNG ĐAI SÀI GÒN

Phó Trưởng-ty CSQG Quận 1

ĐẠI-VIÊN-SY.